

Bản án số: 91/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 20-8-2019  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Nguyệt Ánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Từ Anh Tuấn;

Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa:**  
Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 464/2019/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Kim N, sinh năm 1978; thường trú: ấp H, xã L, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Số 27/23, khu phố N, phường D, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1978; thường trú: ấp H, xã L, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Số 27/23, khu phố N, phường D, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 5 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Kim N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kim N và anh Đỗ Văn C tự nguyện chung sống, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo giấy y chứng nhận kết hôn số 103, quyền số 01 tại Ủy ban nhân dân phường 1, thị xã B, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 29 tháng 4 năm 2004.

Sau khi kết hôn, anh chị sống tại tỉnh Cà Mau. Đến năm 2015, chuyển về tỉnh Bình Dương để làm công nhân và thuê nhà trọ tại 27/23, khu phố N, phường D, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương sinh sống. Chị N và anh C đều làm công nhân thu nhập bình quân mỗi người khoảng 5.000.000 đồng/tháng. Quá trình vợ chồng sống cùng nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C có tính ham chơi cờ bạc, không quan tâm chăm sóc gia đình, mỗi lúc vợ chồng cãi nhau anh C còn đánh đập chị N. Anh C luôn bắt chị N làm theo ý anh C. Chị N đi làm công ty thì cấm cản không cho nói chuyện, chia sẻ với ai. Anh C không tôn trọng gia đình, cha mẹ bên vợ. Thời gian vợ chồng còn sống chung ở tỉnh Cà Mau gia đình cũng khuyên can để anh C thay đổi tính tình nhưng anh C vẫn không nghe mà chỉ hứa hẹn sẽ thay đổi nhưng không thực hiện. Vì anh C có tật nói nhiều nên những lúc anh C uống rượu bia hay đóng cửa phòng, nhốt chị N và các con trong nhà không cho đi đâu, chửi vợ con cho đến nửa đêm. Hiện tại, anh chị đã ly thân được 03 tháng, chị N đã chịu đựng anh C quá nhiều, không còn tình cảm để sống cùng anh C nữa nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đỗ Trọng N 1, sinh ngày 12/11/2004 và Đỗ Trọng N2, sinh ngày 07/4/2011. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu nuôi cả hai con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2019 và trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Đỗ Văn C trình bày:* Thống nhất với phần trình bày của chị N về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình sống chung của vợ chồng. Về mâu thuẫn, anh C cho rằng giữa hai vợ chồng chỉ có những xích mích nhỏ trong cuộc sống. Tuy nhiên, anh C thừa nhận không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Nay anh C xác định tình cảm với chị N vẫn còn và không muốn gia đình tan vỡ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đỗ Trọng N 1, sinh ngày 12/11/2004 và Đỗ Trọng N 2, sinh ngày 07/4/2011. Nếu Tòa án giải quyết cho anh C và chị N ly hôn, anh Chính có nhu cầu nuôi cả hai con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Anh C và chị N đều là công nhân thu nhập mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 01/7/2019, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống giữa chị Lê Thị Kim N và anh Đỗ Văn C tại địa phương và được bà Trần Thị Thu T là cán bộ Hội phụ nữ phường D, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương cung cấp: Quá trình chị Lê Thị Kim N và anh Đỗ Văn C sinh sống tại địa phương, chính quyền không nhận được đơn thư hay trình báo gì về việc vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn trong gia đình. Chính quyền địa phương không biết mâu thuẫn của vợ chồng anh chị, cũng như công việc, thu nhập hay con cái nên không cung cấp thông tin được cho Tòa án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm đã bảo đảm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

### **PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Đỗ Văn C đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt hai lần liên tiếp không có lý do chính đáng. Căn cứ các điều 207 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân chị Lê Thị Kim N và anh Đỗ Văn C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số số 103, quyển số 01 tại Ủy ban nhân dân phường 1, thị xã B, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 29 tháng 4 năm 2004 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình tố tụng chị N xác định anh C thường xuyên có thái độ thiếu tôn trọng vợ con, thường xuyên áp đặt, gây trở ngại cho công việc của chị N. Mỗi lần vợ chồng cãi nhau, anh C hay đánh đập chị. Chị N cho rằng anh C không muốn ly hôn do không muốn thay đổi cuộc sống ổn định hiện tại của anh, chứ thật sự anh C không còn tình cảm với chị. Anh C cho rằng giữa hai vợ chồng chỉ có những xích mích nhỏ trong cuộc sống. Tuy nhiên anh C vẫn thừa nhận vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã ly thân được 03 tháng. Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 01/7/2019, xác định chính quyền địa phương không nhận được trình báo nào của anh C, chị N những lúc anh, chị mâu thuẫn nhau.

[3] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Chị Lê Thị Kim N và anh Đỗ Văn C đều thừa nhận quan hệ hôn nhân của hai người có những mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau, hiện cả hai đã ly thân. Bên cạnh đó lời khai của cháu Đỗ Trọng N1, sinh ngày 12/11/2004 là con gái của anh, chị tại phiên tòa cũng xác định: Anh h thường xuyên uống rượu bia, những lúc vợ chồng mâu thuẫn có đánh đập chị N. Anh C không phụ giúp chị N chăm lo cho gia đình, sự việc đã xảy ra nhiều lần mà anh C không thay đổi đã làm ảnh hưởng đến sinh hoạt hàng ngày của chị N và các con trong đó có cháu N1. Cháu N1 đề nghị Tòa án giải quyết cho cha mẹ được ly hôn. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lê Thị Kim N và anh Đỗ Văn C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Kim N là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Lê Thị Kim N và anh Đỗ Văn C có 02 con chung tên Đỗ Trọng N 1, sinh ngày 12/11/2004 và Đỗ

Trọng N2, sinh ngày 07/4/2011. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù anh C không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh C yêu cầu được nuôi cả hai con N1 và N2. Quá trình làm việc tại Tòa án, cả hai cháu N1 và N2 đều có nguyện vọng được sống cùng chị N. Xét hiện tại cháu N1 đã hơn 14 tuổi, cháu N2 đã hơn 08 tuổi, các cháu được quyền nói lên nguyện vọng và mong muốn của mình. Để đảm bảo quyền lợi và nguyện vọng của các cháu, xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu nuôi cả hai con của chị Lê Thị Kim N.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con : Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Kim N không yêu cầu anh Đỗ Văn C cấp dưỡng nuôi hai con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An là có cơ sở chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Kim N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 271, 273, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim N đối với anh Đỗ Văn C.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim N được ly hôn với anh Đỗ Văn C (theo giấy chứng nhận kết hôn số 103, quyển số 01/04 ngày 29/4/2004 tại Ủy ban nhân dân phường 1, thị xã B, tỉnh Bạc Liêu cấp).

- Về con chung: Anh Đỗ Văn C giao hai con chung tên Đỗ Trọng N1, sinh ngày 12/11/2004 và Đỗ Trọng N2, sinh ngày 07/4/2011 cho chị Lê Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Kim N không yêu cầu anh Đỗ Văn C cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, anh Đỗ Văn C có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, chị N không có quyền cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của các con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm : Chị Lê Thị Kim N chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn. Khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0028582 ngày 16/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ ./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- CCTHA DS thị xã Dĩ An (01);
- UBND phường 1, thị xã B, tỉnh Bạc Liêu (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Phan Thị Nguyệt Ánh**